Theo kinh *Duyên khởi*, mười hai nhân duyên cụ thể như sau:

1. [**Vô minh**](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B4_minh) (zh. 無明, sa. *avidyā*, pi. *avijjā*), sự không thấu hiểu [Tứ diệu đế](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_di%E1%BB%87u_%C4%91%E1%BA%BF), không hiểu [Khổ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%95_(Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o)) là tính chất căn bản của đời sống;
2. Vô minh sinh **Hành** (zh. 行, sa. *saṃskāra*, pi. *saṅkhāra*), hành động tạo nghiệp. Hành động này có thể tốt, xấu hay trung tính. Hành có thể ở trong ba dạng: thân, khẩu và ý;
3. Hành sinh **Thức** (zh. 識, sa. *vijñāna*, pi. *viññāṇa*), làm nền tảng cho một đời sống tới. Thức này đi vào bụng mẹ. Thức lựa chọn cha mẹ đúng như Hành tốt xấu quy định;
4. Thức sinh **Danh sắc** (zh. 名色, sa., pi. *nāmarūpa*), là toàn bộ tâm lí và vật lí của bào thai mới, do Ngũ uẩn (sa. *pañcaskandha*, pi. *pañcakhandha*) tạo thành;
5. Danh sắc sinh **Lục căn** (zh. 六根, sa. *ṣaḍāyatana*, pi. *saḷāyatana*), là các [giác quan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1c_quan), sáu căn (năm giác quan và khả năng suy nghĩ là sáu);
6. Lục căn bắt đầu tiếp xúc với bên ngoài gọi là **Xúc** (zh. 觸, sa. *sparśa*, pi. *phassa*);
7. Xúc sinh **Thụ** (zh. 受, sa., pi. *vedanā*), là cảm nhận của con người mới với thế giới bên ngoài;
8. Thụ sinh **Ái** (zh. 愛, sa. *tṛṣṇā*, pi. *taṇhā*), tham ái, lòng ham muốn xuất phát từ vô minh;
9. Ái sinh **Thủ** (zh. 取, sa., pi. *upādāna*) là điều cá nhân mới muốn chiếm lấy cho mình;
10. Thủ dẫn đến **Hữu** (zh. 有, sa., pi. *bhava*), là toàn bộ những gì ta gọi là tồn tại, sự sống, thế giới;
11. Hữu dẫn đến **Sinh** (zh. 生, sa., pi. *jāti*), một thế giới và cá nhân mới xuất hiện hẳn hoi;
12. Sinh sinh ra **Lão tử** (zh. 老死, sa., pi. *jarāmaraṇa*), vì có Sinh nên có hoại diệt.

Kinh nghiệm [giác ngộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1c_ng%E1%BB%99) lí duyên khởi bao gồm Mười hai nhân duyên của Phật được ghi lại trong [Luật tạng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%E1%BA%ADt_t%E1%BA%A1ng) (sa., pi. *vinayapiṭaka*), phần *Đại phẩm* (pi. *mahāvagga*) như sau (Chân Nguyên dịch Pāli-Việt):

Người ta có thể nhìn Mười hai nhân duyên dưới nhiều cách phân tích khác nhau. Cách phân tích thông thường có tính thời gian là: yếu tố 1-2 thuộc về đời sống trước đây, yếu tố 3-7 là điều kiện và nguyên nhân sinh thành của đời sống sau này, yếu tố 8-10 là kết quả trong đời sống này, yếu tố 11-12 chỉ đời sống tương lai.

Mười hai nhân duyên chỉ rõ tính chất liên hệ lẫn nhau của dòng chảy "[Tâm](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2m)", "Vật" của thế giới hiện tượng, trong đó những khái niệm quan trọng nhất là "Ta", "Người", "[Sinh vật](http://vi.wikipedia.org/wiki/Sinh_v%E1%BA%ADt)". Nếu thuyết vô ngã chỉ rõ thế giới và con người do các yếu tố giả hợp kết thành với nhau, thật chất là trống rỗng, thì thuyết nhân duyên có tính chất tổng hợp các yếu tố đó, chỉ ra rằng mọi hiện tượng thân tâm đều bắt nguồn từ những hiện tượng khác. Sự phụ thuộc lẫn nhau đó có thể nhìn dưới khía cạnh đồng thời hoặc có thứ tự thời gian.

Thuyết Mười hai nhân duyên được các trường phái Phật giáo giải thích khác nhau. [Nam tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_t%C3%B4ng) cho rằng thuyết này đã giải thích nguyên nhân của khổ và tất cả mọi pháp [hữu vi](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%AFu_vi&action=edit&redlink=1) (sa. *saṃskṛta*) đều có nguyên nhân và điều kiện mới sinh ra nên chúng vô ngã - không có một tự tính nào. Như thế thuyết Mười hai nhân duyên nhằm dẫn đến quan điểm vô ngã.

Trong [Bắc tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_t%C3%B4ng), Mười hai nhân duyên được sử dụng để chứng minh sự không thật của sự vật và đặc biệt trong [Trung quán tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_qu%C3%A1n_t%C3%B4ng) (sa. *mādhyamika*), Mười hai nhân duyên được định nghĩa là [tính Không](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_t%C3%ADnh). [Kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1t-nh%C3%A3-ba-la-m%E1%BA%ADt-%C4%91a_kinh) nhấn mạnh rằng Mười hai nhân duyên không nên hiểu theo thứ tự thời gian. Thuyết này nói lên sự liên hệ của vạn vật một cách tổng quát.

**GIÁO LÝ DUYÊN KHỞI**   
**(Paticca samuppada - Dependent Origination)**

TT. Thích Chơn Thiện

*Giáo lý Duyên khởi là căn bản của hệ thống triết học Phật giáo. Nhận thức đúng giáo lý Duyên khởi sẽ giúp cho các học viên, hành giả thấy rõ sự thật của con người, cuộc đời và giá trị hạnh phúc. Do vị trí nền tảng trong toàn bộ giáo lý Phật giáo nên các học viên cần nghiên cứu và suy tư về nội dung bài giảng này một cách kỹ lưỡng.*

*Sau đây, Ban Hướng dẫn Chương trình PHHT trân trọng giới thiệu đề cương bài giảng về giáo lý Duyên khởi của Thượng tọa tiến sĩ Thích Chơn Thiện. Nội dung này nguyên là đề cương bài giảng của Thượng tọa tại các Học viện PGVN. Ngoài nội dung được giới thiệu ở đây, học viên cần tham khảo thêm phần triển khai giáo lý này trong các tác phẩm Phật học khái luận, lý thuyết nhân tính hiển lộ qua kinh tạng Pàli, cùng tác giả.*

***BAN HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH PHHT***

*-ooOoo-*

***I. TỔNG QUÁT:***

*- Theo Tương Ưng Bộ kinh, tập II (tập 16, 17, đại 2, 85a);  
- Theo kinh Phật Tự Thuyết (Udàna), Tiểu Bộ kinh;  
- Theo kinh Đại Bỗn, Trường Bộ kinh II, Đại tạng kinh Việt Nam (ĐTKVN);  
- Theo kinh Đại Duyên, Trường Bộ kinh II, ĐTKVN;  
- Theo kinh Trường Đại Bỗn Duyên, Trường A Hàm I, ĐTKVN;  
- Theo kinh Điển Tôn, Trường A Hàm I, ĐTKVN, và nhiều kinh khác thuộc Nam tạng, Bắc tạng (Pháp Hoa...).*

*Duyên khởi là giáo lý mà từ đó Thế Tôn giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni và chư Thế Tôn quá khứ đều giác ngộ Vô thượng giác từ giáo lý Duyên khởi (vì Duyên khởi là thực tính, thực tướng của tất cả pháp).*

*- Kinh 28, Trung Bộ kinh I (Tượng Tích Dụ Đại kinh).  
- Tương Ưng III, tr.144 (bản dịch của Hòa thượng Minh Châu, ĐTKVN);  
- Tiểu Bộ kinh I, tr.48 (bản dịch của Hòa thượng Minh Châu, ĐTKVN);*

*Ghi lại lời Thế Tôn dạy rằng:****"Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp. Ai thấy Pháp là thấy Ta (Phật)".***

*Từ đấy, thấy Duyên khởi triệt để quả là một cái thấy của một vị Phật. Thấy Duyên khởi là thấy sự thật Vô ngã của các pháp (hữu vi và vô vi), đây là cái thấy độc đáo nhất trong lịch sử tôn giáo và triết học xưa nay. Chính Vô ngã là nét đặc thù của giáo lý Phật giáo, khác biệt hẳn với mọi triết thuyết, tín ngưỡng của thế gian: Giữa khi 62 học thuyết của Ấn Độ đương thời và giữa khi nhân loại đang chấp thủ ngã và ngã sở (Ta, của ta) để chìm sâu vào sinh tử thì Đức Phật nói lên tiếng nói Vô ngã (không phải ta, không phải của ta).*

*Tóm lược sự kiện giác ngộ vào đêm cuối cùng sau 7 tuần lễ (có tài liệu ghi 4 tuần lễ) thiền quán dưới cội bồ đề của Thế Tôn...*

*Kết luận:*

*\* Vào cuối canh 1: Thấy nhân quả ở tự thân (thấy rõ nhân quả qua Túc mệnh).  
\* Vào cuối canh 2: Thấy nhân quả ở chúng sanh (Minh và Thiên nhãn minh).  
\* Vào cuối canh 3: Thấy rõ nhân quả và sự thật của Tứ đế (đắc Lậu tận minh).  
\* Vào cuối canh 5: Chứng ngộ Vô thượng Bồ đề sau khi thiền quán xuôi ngược chiều Duyên khởi.*

*Chứng ngộ Duyên khởi, Nhân quả và Tứ đế cùng lúc cuối canh 3 (đó là toàn bộ nội dung chứng ngộ Vô thượng Bồ đề của Thế Tôn). Từ ba giáo lý căn bản đó, Phật giáo ra đời. Và cũng từ đó, sau đó 18 bộ phái Phật giáo ra đời. Đấy là Phật giáo!*

***II. ĐỊNH NGHĨA DUYÊN KHỞI:***

*Duyên khởi là gì? Thế Tôn định nghĩa:*

*- "Do vô minh, có hành sinh; do hành, có thức sinh; do thức, có danh sắc sinh; do danh sắc, có lục nhập sinh; do lục nhập, có xúc sinh; do xúc, có thọ sinh; do thọ, có ái sinh; do ái, có thủ sinh; do thủ, có hữu sinh; do hữu, có sinh sinh; do sinh, có lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sinh, hay toàn bộ Khổ uẩn sinh. Đây gọi là Duyên khởi". (Tương Ưng Bộ kinh II, tr.1-2).*

*- "Do đoạn diệt tham ái, vô minh một cách hoàn toàn, hành diệt; do hành diệt nên thức diệt;..., sầu, bi, khổ, ưu, não diệt.*

*Như vậy là toàn bộ khổ uẩn đoạn diệt. Này các Tỳ kheo, như vậy là đoạn diệt" (Ibid, tr.1-2).*

*Khi 12 nhân duyên sinh khởi thì đồng nghĩa với khổ uẩn khởi.  
Khi 12 nhân duyên đoạn diệt thì đồng nghĩa với khổ uẩn diệt.  
Tất cả đó gọi là Duyên khởi.*

*- "Pháp Duyên khởi ấy, dù Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp quyết định ấy, y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng đạt, Như Lai tuyên thuyết, tuyên bố, khai triển, khai thị, minh hiển, minh thị. Ngài dạy: "Duyên vô minh, này các Tỳ kheo, có các hành,... Như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây là như tánh, bất hư vọng tánh, bất dị như tánh, y duyên tánh ấy. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Duyên khởi", (Ibid, tr.31).*

*[Ghi chú: Do duyên nên các pháp khởi lên, tồn tại nên gọi là pháp trú tánh ấy (Dhammatthitatà). Các duyên ra lệnh hay an trú các pháp, do vậy được gọi là Pháp quyết định tánh ấy. Các duyên của sanh, già, bệnh, chết... là các duyên đặc biệt gọi là y duyên tánh ấy].*

*\* Thế nào là pháp do duyên mà sinh (Duyên sinh pháp)?*

*"Gọi là duyên sinh pháp là các pháp được tác thành, hữu vi, biến hoại, tan rã, đoạn diệt, vô thường" (Ibid, tr.31).*

*\* Trong kinh Phật Tự Thuyết (Udàna; Tiểu Bộ kinh), Duyên khởi được tóm tắt như sau:*

*- Do cái này có mặt nên cái kia có mặt.  
- Do cái này không có mặt, nên cái kia không có mặt.  
- Do cái này sinh, nên cái kia sinh.  
- Do cái này diệt, nên cái kia diệt.*

***III. NỘI DUNG CỦA 12 CHI PHẦN DUYÊN KHỞI:***

*- Vô minh (Avijjà): "Không hiểu rõ Tứ đế gọi là Vô minh" (Tương Ưng II, tr.4). Có thể phát biểu cách khác rằng, không hiểu rõ Duyên khởi, Vô ngã là Vô minh.*

*- Hành (Sànikharà): "Gồm có thân hành, khẩu hành và ý hành" (Ibid, tr.4).*

*- Thức (Vinänäànà): "Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức" (Ibid, tr.4).*

*- Danh sắc (Nàma-rùpa): "Danh gồm xúc, tác ý, thọ, tưởng và tư (có nơi trình bày Danh sắc gồm có Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn). Sắc là tứ đại và các pháp do tứ đại sanh" (Ibid, tr.4).*

*- Lục nhập (Chabbithàna: sáu xứ): "Gồm có 6 nội xứ (nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý căn) và 6 ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp)" (Ibid, tr.4).*

*- Xúc (Phassa): "Có 6 xúc: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc" (Ibid, tr.4).*

*- Thọ (Vedàna): "Có 6 thọ: thọ do nhãn xúc sanh..., và thọ do ý xúc sanh" (Ibid, tr.4).*

*- Ái (Tanhà): "Sắc ái, thanh, hương, vị, xúc và pháp ái; hay dục ái, sắc ái, và vô sắc ái" (Ibid, tr.4).*

*- Thủ (Upàdàna): "Có 4 thủ: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ" (Ibid, tr.3).*

*- Hữu (Bhava): "Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu" (Ibid, tr.3).*

*- Sinh (Jàti): "Cái gì thuộc loài chúng sinh bị sinh, xuất sinh, giáng sinh, đản sinh, xuất hiện các uẩn, thành tựu các xứ thì gọi là sinh". (Ibid, tr.3).*

*- Lão tử (Jarà-marana): "Cái gì thuộc các loài chúng sinh bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuỗi thọ lớn, các căn chín muồi thì gọi là già. Cái gì thuộc các loài chúng sinh bị từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, các uẩn tàn lụn, thân thể vứt bỏ, tử vong thì gọi là chết" (Ibid, tr.3).*

***1. Duyên khởi và Tứ Thánh đế:***

*Từ định nghĩa Duyên khởi (II), Khổ đế hay Khổ uẩn là kết quả của sự vận hành của 12 chi phần nhân duyên khởi đầu là Vô minh. Diệt đế là khổ diệt, kết quả của sự vận hành của Duyên khởi khởi hành từ sự giác tỉnh Vô ngã (hay Vô minh diệt); do Vô minh diệt, mà hành diệt..., khổ diệt. Tập đế là Ái (dục ái, hữu ái và vô hữu ái), hay 12 chi phần Duyên khởi, bởi vì sự vận hành của Ái là sự vận hành của 12 chi phần Duyên khởi ấy. Đạo đế là 37 phẩm trợ đạo, hay Bát Thánh đạo, khởi đầu là sự vận hành của Chánh kiến và Chánh tư duy (hay là sự vận hành của Vô minh diệt); do Vô minh diệt mà dẫn đến Diệt đế (hay sầu, bi, khổ, ưu, não diệt).*

*Duyên khởi tập khởi thì Khổ uẩn tập khởi: Đây là ý nghĩa và nội dung của Khổ, Tập đế. Duyên khởi vận hành theo chiều đoạn diệt thì khổ uẩn diệt: Đây là ý nghĩa và nội dung của Đạo, Diệt đế.*

*Khi Đức Phật, ở dưới cội bồ đề vào đêm cuối cùng thành đạo, thấy rõ lý Duyên khởi thì cùng lúc thấy rõ Tứ đế. Nói rằng bài pháp Sơ Chuyển Pháp Luân là Tứ đế cũng hệt như nói rằng bài pháp đầu tiên là Duyên khởi. Vận chuyển bánh xe pháp là ý nghĩa vận chuyển Duyên khởi và Tứ đế vậy.*

***2. Duyên khởi và Ngũ uẩn:***

*Ngũ uẩn là Sắc uẩn, Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn. Vận hành của năm uẩn đúng là vận hành của Danh sắc; vận hành của 4 uẩn còn lại là vận hành của Danh trong Danh sắc. Vận hành của Danh sắc đúng là vận hành của Duyên khởi.*

*Vận hành của Thọ uẩn là vận hành của chi phần Thọ (chi thứ 7) của 12 chi nhân duyên, và là vận hành Duyên khởi.*

*Vận hành của Hành uẩn là vận hành của Hành (chi thứ 2) của 12 chi nhân duyên, và là vận hành của Duyên khởi.*

*Vận hành của Thức uẩn là vận hành của Thức (chi thứ 3) trong 12 chi nhân duyên, và là vận hành của Duyên khởi.*

*Năm uẩn không thể hiện hữu tách rời nhau nên vận hành của Ngũ thủ uẩn đích thị là vận hành của Duyên khởi.*

*Như thế giáo lý Duyên khởi, Tứ đế và Ngũ thủ uẩn thực chất chỉ là một.*

***3. Duyên khởi và Nhân quả:***

*Duyên khởi được trình bày theo vận hành nhân quả: Vô minh là nhân, hành là quả; hành là nhân, thức là quả v.v... sinh là nhân, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não là quả.*

*Khi nói vận hành của Vô minh chính là vận hành của Duyên khởi, điều này có nghĩa là Vô minh có mặt trong 11 chi phần còn lại; và 11 chi phần còn lại có mặt trong Vô minh. Nói khác đi, Vô minh chính là Hành, là Thức, ..., là sầu, bi, khổ, ưu, não. Nếu theo quy luật nhân quả phải đồng loại thì quả thực Vô minh và đau khổ quả là đồng loại khổ. Tương tự, đối với các chi còn lại.*

*Đức Phật, ở dưới cội bồ đề vào thời điểm giác ngộ, đã thấy rõ con đường nhân quả của tự thân và nhân quả của mọi loài chúng sinh ngay sau khi đắc Tam minh vào cuối canh 3, lúc mà Ngài giác ngộ hoàn toàn định lý Duyên khởi. Điều này nói lên sự thật Duyên khởi bao trùm Tứ đế và Nhân quả. Nói khác đi, bốn giáo lý Duyên khởi, Nhân quả, Ngũ uẩn và Tứ đế thực chất chỉ là một.*

*Rốt cùng mà nói, toàn bộ giáo lý Phật giáo chỉ là sự triển khai của Duyên khởi, chỉ là sự triển khai của sự tập khởi và đoạn diệt của toàn bộ Khổ uẩn, như chính Đức Thế Tôn đã nhiều lần xác nhận: "Ta chỉ nói khổ và con đường diệt khổ".*

***4. Duyên khởi và 3 (hay 4) Pháp ấn:***

*Như đã được đề cập ở phần hệ luận Duyên khởi, 3 pháp ấn (hay 4 pháp ấn) chỉ là hệ luận từ Duyên khởi. Quả thực, Duyên khởi quyết định tánh của tất cả hiện hữu nên ấn định các tính chất đặc biệt của hữu vi là Vô ngã, Vô thường và Khổ đau. Nhìn pháp hữu vi từ Duyên khởi (Nikàya rất hiếm bàn đến pháp vô vi, nếu đề cập thì chỉ đề cập dưới hình thức gián tiếp và phủ định) thì thấy rõ 3 tính chất ấy. Thực ra 3 tính chất chỉ là một: Vô ngã = Khổ đau; Vô thường = Khổ đau, hay hữu vi là Khổ đau, tam giới là Khổ đau, hoặc là cuộc đời là Khổ đau.*

*[Ghi chú: Vô ngã (ở Nikàya) ≈ Vô ngã và Không ở giáo lý Phát triển Đại thừa].*

***5. Duyên khởi và Duy thức:***

*a/ Trong "Bát Thức Quy Củ" do Pháp sư Huyền Tráng sáng tác, Pháp sư cắt nghĩa từ Duy thức như sau: "Duy thức nghĩa là chỉ có Thức, không có sự vật nào ngoài thức mà có được. Do tất cả sự vật đều phải nhờ cái duyên của Thức mới thành sự vật nên gọi là Duy thức Duyên khởi; do tất cả sự vật đều phải nhờ cái duyên của Thức mới có tướng, có danh nên gọi là Duy thức biến hiện. Lại bản tính của Thức là pháp giới tính, pháp giới tính Duyên khởi ra tất cả sự vật thì cùng là Thức tính Duyên khởi ra tất cả sự vật.*

*Xét như vậy thì biết do lấy một tâm niệm làm trung tâm chi phối các vật trong pháp giới nên gọi là Duy thức. Ngược lại, nếu lấy một hạt bụi hay một quả núi làm trung tâm chi phối các sự vật trong pháp giới tính thì cũng có thể gọi là Duy Hạt Bụi hay Duy Quả Núi". (Bản dịch của cư sĩ Lê Đình Thám, Tu thư Phật học Vạn Hạnh sưu tập, 1982, tr.2)*

*Thức ở đây, dù hiểu chức năng có phần sai khác với 6 thức được trình bày ở Nikàya, cũng chỉ là chi phần thức (chi thứ 3) của 12 chi phần nhân duyên. Nó cũng là Hữu vi, Vô ngã, Vô thường và dẫn đến Khổ đau (trừ Bạch tịnh thức). Nói khác đi, Duy thức nếu được nhìn dưới ánh sáng Duyên khởi thì sẽ sáng tỏ và dễ nhận hơn nhiều.*

*b/ Bài tụng 17 của "Tam thập tụng" viết:*

*"Thị chư Thức chuyển biến  
Phân biệt, sở phân biệt,  
Do thử, bỉ giai vô  
Cố nhất thế Duy thức"*

*(Các thức ấy chuyển biến  
Thành chủ thể và đối tượng phân biệt  
Vì chủ thể và đối tượng đều không (vô ngã)  
Nên nói hết thảy là Duy thức).*

*Nói Duy thức là nói nghĩa Duyên sinh, Vô ngã ấy.*

*c/ Bài tụng 28 viết:*

*"Nhược thời ư sở duyên  
Trí đô vô sở đắc  
Nhĩ thời trú Duy thức  
Ly nhị thủ tướng cố".*

*[Nếu không có cái để làm duyên  
Bấy giờ trú vào Duy thức  
Trí đều không sở đắc  
Do vì rời chấp thủ năng, sở  
(Chủ thể và đối tượng)].*

*Ở đây, thực tánh Duy thức là Vô ngã tánh hay Duyên sinh tánh vậy.*

***XI. KẾT LUẬN:***

*Từ những gì được trình bày khái lược về giáo lý Duyên khởi, chúng ta (người đọc) có thể đi đến một số điểm nhận định về giáo lý ấy, nói riêng, và Phật giáo nói chung, rằng:*

*1. Giáo lý Duyên khởi là nền tảng của các giáo lý Phật giáo thuộc các bộ phái.*

*2. Giáo lý Duyên khởi là linh hồn của thiền quán Phật giáo (thiền định).*

*3. Giáo lý Duyên khởi là căn bản của nhận thức luận, giá trị luận và bản thể của Phật giáo. Nó cũng là nền tảng của luận lý học Phật giáo.*

*4. Giáo lý Duyên khởi không phải để hiểu như là triết lý, mà là để thực hiện giải thoát. Các bước đi giải thoát sau cùng sẽ giúp hành giả thấy rõ sự thật của bản thân, xã hội, thế giới và hạnh phúc.*

*5. Giáo lý Duyên khởi vì là sự thật của vạn hữu nên nó là ánh sáng chỉ đường cho các tư duy có giá trị xây dựng hòa bình, an lạc, hạnh phúc cho các cá nhân và cộng đồng.*

*6. Ngoài giá trị giải thoát, Duyên khởi còn là một lý thuyết về nhân tính làm cơ sở cho tâm lý học, tâm lý giáo dục và triết lý giáo dục mở ra một hướng văn hóa, giáo dục mới.*

*7. Giáo lý Duyên khởi là cơ sở thống nhất giáo lý các bộ phái.*

*8. Giáo lý Duyên khởi có thể là ánh sáng chỉ hướng phát triển tốt cho các ngành xã hội, khoa học và tổ chức xã hội.*

*9. Giáo lý Duyên khởi là nội dung của Hiện tượng luận Phật giáo (Buddhist Phenomenology).*

*10. Sau hết (hẳn nhiên là có thể triển khai thêm nhiều điểm nữa). Duyên khởi hay Phật giáo ngoài ý nghĩa tôn giáo còn có ý nghĩa triết học, và đặc biệt là ý nghĩa Phật giáo được hiểu như là một con đường giáo dục thiết thực, nhân bản và trí tuệ.*

*11. Con đường nghiên cứu Phật học ngày nay phát triển rất mạnh trên thế giới, được nghiên cứu như là một khoa học Phật học, vì vậy đòi hỏi sinh viên và các nhà nghiên cứu có cái nhìn mới mẻ về nhiều mặt lịch sử, văn bản, ngôn ngữ, tư tưởng và tông chỉ để Phật giáo các bộ phái và Phật giáo tự thân được hiểu đúng nghĩa của nó.*

*12. Các quan điểm phân biệt về Tiểu thừa, Đại thừa, Bán Đại thừa, về Hữu tông, Không tông, Pháp tướng, Pháp tánh, v.v... cần được hệ thống lại và soát xét lại thế nào để phù hợp với ý nghĩa tôn giáo của một đấng Giáo chủ duy nhất, của một sự thật tối hậu duy nhất, và cùng với một nguồn Kinh, Luật được kết tập gần hệt nhau ở kỳ đại hội kết tập lần thứ nhất và lần thứ hai.*

*Tinh thần của Phật học là phê phán dựa vào kinh nghiệm thực nghiệm của cá nhân. Tinh thần căn bản của đại học cũng là tinh thần phê phán. Vì thế, người học cần tiếp thu giáo lý với tinh thần phê phán ấy để vấn đề giáo nghĩa ngày một thêm sáng tỏ và nhất quán.*

*Duyên khởi sẽ là giáo lý, là chỗ dựa cho tinh thần phê phán ấy vậy.*